MỘT ĐỜI CHƯA KỂ

MỘT ĐỜI CHƯA KỂ
Bản quyền tiếng Việt © Trịnh Ngọc Phương Thảo, 2026

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của tác giả. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
Trụ sở chính: Số 59 Thợ Nhuộm, phường Cửa Nam, Hà Nội
Tel: 0084.24.38253841
Chi nhánh: Số 7. Nguyễn Thị Minh Khai, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 0084.28.38220102
Email: thegioi@ thegioipublishers.vn
Website: www.thegioipublishers.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM TRẦN LONG

Biên tập: Bùi Thế Khoa
Sửa bản in: Nguyên Lê
Thiết kế bìa: Thị Hoa & Trương An Dân
Trình bày: Mỹ Mây

In 1.000 bản, khổ 13 cm x 18.5 cm
tại Công ty Cổ phần In Thương mại Truyền thông Việt Nam
Địa chỉ: Số 7 ngách 28 ngõ 29 phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội.
Xưởng SX: Số 389 Trương Định, phường Tương Mai, TP. Hà Nội.
Số xác nhận ĐKXB: 3668-2026/CXBIPH/14-206/ThG cấp ngày 15/09/2026.
Quyết định xuất bản số: 1293/QĐ-ThG cấp ngày 05 tháng 10 năm 2026.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2026. Mã ISBN: 978-632-02-1564-5
LIÊN KẾT XUẤT BẢN: Công ty Cổ phần Sách Alpha

TRỊNH NGỌC PHƯƠNG THẢO

MỘT ĐỜI CHƯA KỂ



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

MỤC LỤC

Lời mở đầu **7**

CHƯƠNG 1: Đêm bát vỡ 9
CHƯƠNG 2: Cây roi tre 19
CHƯƠNG 3: Dốc đời 29
CHƯƠNG 4: Chai rượu trắng 51
CHƯƠNG 5: Gầm giường 69
CHƯƠNG 6: Lá thư không gửi 89
CHƯƠNG 7: Ghế tre ngoài hiên 105
CHƯƠNG 8: Cái bát mới 125
CHƯƠNG 9: Ba chưa từng nói 143

Lời kết **153**
Lời cảm ơn **155**

Lời mở đầu

Có những câu chuyện người ta viết để nhớ. Có những câu chuyện viết để quên.

Còn câu chuyện này, tôi viết để hiểu.

Tôi mất nhiều năm mới nhận ra rằng cha mẹ chúng ta không bắt đầu cuộc đời họ từ ngày chúng ta được sinh ra. Họ lớn lên trong một căn nhà khác, dưới bàn tay của những người lớn khác, rồi mang theo vào gia đình mình cả những điều tốt đẹp lẫn những điều chưa bao giờ được gọi tên.

Một đời chưa kể không phải câu chuyện về một người cha tồi, cũng không phải câu chuyện dùng nghèo khó hay một tuổi thơ bất hạnh để bào chữa cho những điều đã làm người khác đau.

Tôi chỉ muốn kể về một người đàn ông đã dành gần cả cuộc đời để cố trở thành người tốt hơn thế hệ trước mình.

Có lúc ông làm được.

Có lúc không.

Có những điều rất nhỏ — một cái ôm, một câu xin lỗi, sự kiên nhẫn với một đứa trẻ — có người được học từ khi còn bé, có người phải mất gần một đời.

Có lẽ khi nhìn cha mẹ không chỉ ở những năm tháng làm cha mẹ mình, mà còn nhớ rằng trước kia họ cũng từng là những đứa trẻ, lòng ta sẽ rộng hơn một chút.

Không nhất thiết để quên.

Chỉ để hiểu hơn.

Và có thể, để thương nhau theo một cách khác.

CHƯƠNG 1

Đêm bát vỡ



“Ông đi vào nghỉ đi. Ngồi ngoài này mãi, lại ốm bây giờ.”

Vợ tôi đứng trong cửa nói vọng ra. Giọng bà ấy nghe như cằn nhằn, nhưng tôi sống với bà từng ấy năm rồi, biết khi nào là cằn nhằn thật, khi nào là lo mà không biết nói kiểu khác. Tôi “ừ” một tiếng. Sáng nay đi khám về, bác sĩ cũng nói gần như thế. Nghỉ nhiều hơn. Uống thuốc đúng giờ. Đừng cố làm việc nặng. Tôi nghe hết, gật hết. Ra khỏi phòng khám, hai vợ chồng đi bộ một đoạn ra chỗ đón xe. Con đường ấy tôi đi không biết bao nhiêu lần, vậy mà hôm nay thấy dài hơn mọi hôm.

Bác sĩ không bảo tôi có bệnh gì ghê gớm. Tuổi này ai chẳng có vài thứ trong người không còn chạy mượt mà như trước. Chỉ là từ sáng về, tự nhiên tôi thấy mình chậm.

“Thuốc để trên bàn đấy.”

“Biết rồi.”

“Biết rồi mà lát lại quên.”

Tôi không trả lời. Bà ấy lẩm bẩm thêm mấy câu rồi đi vào trong. Ngoài hiên còn tôi với mấy chậu cây. Cây chanh tôi bón tuần trước vừa ra mấy cái lộc non. Cây bàng Nhật sát bờ rào thằng con trai trồng cho tôi mấy năm trước, giờ đã cao hơn mái nhà. Nó sang một buổi chiều, chẳng nói mấy câu, đào đất,

dựng cây, buộc thêm cái cọc cho khỏi nghiêng. Xong việc, nó rửa tay rồi về.

Tôi hỏi:

"Trồng làm gì?"

Nó bảo:

"Cho có bóng."

Tôi "ừ". Hai cha con tôi nói chuyện với nhau phần lớn như thế. Con gái út thì khác. Chiều nay nó gọi. Đầu dây bên kia có tiếng trẻ con khóc, tiếng nước chảy, tiếng nó vừa nói với tôi vừa quay sang dỗ con.

"Ba ăn cơm chưa?"

"Rồi."

"Uống thuốc chưa?"

"Rồi."

Thật ra chưa uống.

"Ba nhớ uống nhé. Con phải tắm cho cháu đây."

"Ừ. Lo cho nó đi."

"Dạ."

Rồi cúp. Con gái tôi hay gọi. Chẳng nói chuyện gì to tát, quanh đi quẩn lại vẫn ăn chưa, ngủ được không, uống thuốc chưa. Tôi trả lời cũng chỉ mấy câu như thế. Cúp máy rồi, tôi vẫn cầm điện thoại trong tay thêm một lúc.

Thằng con trai ở gần hơn lại ít gọi. Có tuần nó sang. Có tuần không. Tôi biết nó bận. Hồi bằng tuổi nó tôi cũng bận tối mắt. Tôi không trách.

Tôi đặt điện thoại xuống. Vỉ thuốc trên bàn còn mấy viên. Tôi bóc một viên uống, ngồi đếm chỗ còn lại, rồi chẳng hiểu sao lại đi tìm giấy bút. Trong nhà bây giờ chẳng ai viết gì bằng tay nữa. Giấy tờ cần thì in, có việc thì nhắn điện thoại. Tôi lục mãi trong ngăn kéo cạnh tủ, tìm được mấy cây bút không ra mực, cuối cùng mới mò thấy một cây còn viết được.

Vợ tôi nghe tiếng lục lọi, từ bếp hỏi:

"Ông tìm gì đấy?"

"Không có gì."

"Không có gì mà lục như chuột?"

Tôi mặc kệ. Giấy thì khó hơn. Cuối cùng, tôi tìm được một quyển vở dày thằng cháu nội bỏ quên từ đợt nghỉ hè. Nó mới viết mấy chục trang đầu, phía sau vẫn còn gần như nguyên. Bìa in một con vật màu xanh mà tôi nhìn chẳng biết là con gì.

Tôi mang ra hiên, kê quyển vở lên đầu gối rồi mở một trang trắng. Lâu rồi, tôi không viết, cầm bút thấy ngượng tay như cầm đồ của người khác. Tôi thử đặt ngòi xuống rồi lại nhấc lên. Trong đầu có nhiều thứ, nhưng nghĩ viết từ đâu thì không biết, viết cho ai lại càng không.

Tôi nhìn trang giấy một lúc rồi nhìn sang cái bát trên bàn.

.

Cái bát để cạnh ấm nước sứ trắng, loại bình thường, dùng đã lâu, miệng nó mẻ một chỗ bằng đầu ngón tay út, sứt ra thành cái răng cưa nhỏ. Cái bát ấy là của vợ tôi. Trong tủ thiếu gì bát nguyên. Có mấy cái con gái mua từ năm ngoái vẫn còn sáng bóng. Tôi từng bảo thay cái này đi, bà ấy nói:

"Mẻ mỗi tí thế này. Vứt phí."

Thế là bà vẫn dùng. Gần sáu chục năm trước, nhà thầy u tôi cũng có một cái bát khác. Hồi ấy nhà tôi ở một làng ngoài Bắc, ven sông. Những năm ấy máy bay còn hay về. Ban ngày, người lớn ra đồng thỉnh thoảng lại ngẩng đầu nhìn trời. Đêm, nhà nào nhà nấy che ánh đèn. Góc vườn nhà tôi có cái hầm trú, mùa mưa nước rỉ xuống, ngồi dưới ấy mùi đất ẩm bám vào quần áo, tới giờ tôi vẫn nhớ.

Nhà tôi có chín anh chị em, vừa đông vừa nghèo. Nói nghèo thì làng ấy nhà nào chẳng nghèo, nhưng nhà tôi nghèo kiểu bữa nào cũng phải nhìn vào nồi cơm trước khi xới. Cơm thường độn khoai, sắn, có bận độn ngô. U tôi nấu khéo. Cái bát đầu tiên bao giờ cũng là của thầy, u cố xới phần cơm trắng lên trên, phần độn xuống dưới.

Bọn trẻ chúng tôi ngồi quanh mâm nhìn nồi. Có hôm u bắt gặp, lấy đũa gõ nhẹ vào tay:

"Nhìn thì nó cũng chẳng đầy thêm đâu."

Mấy đứa cười. U cũng cười. U tôi không hay cười lớn. Cười xong lại cúi xuống xới cơm, bát nào cũng cố cho đều. Đứa nhỏ được thêm một miếng khoai mềm. Đứa nào ốm thì được chỗ cơm trắng hơn một chút. Phần còn lại u vét cho mình.

Trong nhà, bát nào cũng có chỗ sứt. Cái rạn thân, cái mẻ miệng, có cái sứt hai bên. Chỉ có duy nhất một cái còn lành. U để riêng trên chạn, ngày thường không dùng, có khách mới lấy xuống. Với nhà tôi, một cái bát còn nguyên đã là thứ đáng giữ. U rửa xong bao giờ cũng úp riêng, không cho bọn trẻ đụng vào.

Thầy tôi đi làm xa, kéo xe ngựa thuê, thỉnh thoảng mới về. Mỗi lần thầy về, cả nhà vừa mừng vừa dè chừng. Có hôm thầy vui, móc trong túi ra mấy củ khoai luộc đã nguội, chia cho bọn tôi. Có khi chỉ một củ bẻ làm ba mà đứa nào cũng tranh nhau.

Thầy còn mắng:

"Từ từ, nghẹn bây giờ."

Nhưng cũng có hôm thầy về, mặt nặng như đá. Cả nhà nhìn một cái là tự biết đi nhẹ, nói nhỏ. Bữa cơm chẳng đứa nào dám vừa ăn vừa nghịch đũa

như mọi hôm. Sau này tôi biết những chuyến đi của thầy đâu phải chuyến nào cũng kiếm được tiền. Có hôm xe hỏng, có hôm người ta nợ công, có hôm đi mấy ngày về tay chẳng còn gì. Biết những chuyện ấy về sau giúp tôi hiểu vì sao có những ngày thầy mệt đến thế.

Nhưng hiểu được điều đó cũng không làm chúng tôi bớt sợ.

Đêm ấy thầy về sau một chuyến đi dài, tay không. U nhìn thầy, rồi không hỏi gì. Bà chỉ quay vào bếp lấy cơm. Có lẽ vì thầy đi xa lâu ngày mới về, tối đó u với tay lên chạn lấy cái bát lành xuống. Tôi còn nhớ bà lấy vạt áo lau qua miệng bát trước khi xới.

Đó là cái bát đẹp nhất nhà. U xới cho thầy. Nồi cơm tối ấy độn nhiều. U vét mãi mới được một bát trông có nhiều hạt cơm trắng hơn một chút rồi đặt trước mặt chồng. Cả nhà bắt đầu ăn. Đèn dầu vặn nhỏ, ánh sáng chỉ đủ vàng quanh mâm. Ngoài khoảng ấy là bóng tối.

U nói một câu. Tới giờ tôi cũng không nhớ là câu gì. Có thể chuyện gạo, có thể tiền, có thể một việc trong nhà. Chắc chỉ là câu người ta nói với nhau hằng ngày. Thầy đặt đũa xuống rất khẽ.

Tôi còn nhớ chính cái khẽ ấy. U nói thêm. Thầy đáp. Lúc đầu cả hai người đều nói thấp. Rồi giọng

thầy cao lên. U vẫn ngồi đó. Mấy đứa trẻ dừng ăn lúc nào không biết. Tôi cầm đũa mà chẳng dám gắp, chỉ mong mình nhỏ đi một chút, rồi nhỏ thêm một chút, để không ai nhìn thấy.

Rồi cái bát bay.

Tôi không nhìn rõ bàn tay thầy hất thế nào. Chỉ nghe tiếng "choang". Cái bát lành đập xuống nền đất, vỡ ra, cơm với khoai văng giữa những mảnh sứ trắng. Mấy đứa nhỏ khóc ré lên. Một đứa đứng cứng người. Con bé nhỏ nhất nhà mặt tái đi, miệng há ra mà không thành tiếng.

Tôi chẳng nghĩ gì. Tôi túm tay nó kéo tuột vào gầm giường. Cái giường tre kê sát vách. Hai anh em bò sâu vào trong, ép người xuống nền. Tôi lấy tay bịt miệng nó, cứ thì thào:

"Nín. Nín đi."

Bụi dưới gầm giường chui vào mũi ngứa kinh khủng. Tôi không dám hắt hơi. Từ chỗ nằm, tôi không nhìn thấy mặt ai, chỉ thấy chân. Chân mấy anh tôi. Chân u. Rồi chân thầy đi qua đi lại.

Tôi nằm im, tim đập nhanh tới mức tưởng người ngoài cũng nghe thấy. Tôi đã ăn đòn trước đó rồi. Trẻ con nhà này chẳng đứa nào chưa từng bị đánh. Nhưng đêm đó là lần đầu tiên tôi thấy sợ một thứ khác. Không phải sợ đau. Là sợ chính người trong nhà mình.

Hồi ấy tôi không nghĩ được thành câu như bây giờ. Tôi chỉ biết nằm dưới gầm giường, ôm chặt con bé và mong đôi chân ngoài kia đừng bước về phía mình. Một lúc lâu sau, tiếng người im dần. Thầy đi ra ngoài.

Tôi nghe u thở rồi nghe tiếng cái chổi kéo trên nền, sàn sạt, sàn sạt. U quét những mảnh sứ rất chậm. Bà quét một lượt rồi lại cúi xuống nhặt từng mảnh nhỏ, chắc sợ sót lại, trẻ con sáng hôm sau giẫm phải. Có miếng dính cơm, u lấy tay gạt vào cái rá. U không khóc, cũng không nói gì, chỉ quét.

Tôi nằm dưới gầm giường nghe tiếng chổi ấy. Con bé trong tay tôi lúc nào đã thôi run, sau đó ngủ mất. Tôi thì thức rất lâu. Sáng hôm sau, thầy đi từ sớm. U vẫn dậy nhóm bếp như mọi ngày. Không ai nhắc chuyện tối qua. Chỗ trên chạn từng úp cái bát trống không. Từ hôm đó, nhà tôi không còn cái bát nào nguyên.

Bữa cơm sau, u cầm cái bát mẻ nhất. Nó sứt hai chỗ, mỗi lần ăn phải xoay một vòng mới tìm được chỗ không cấn vào môi. Tôi nhìn thấy, đẩy cái bát của mình sang.

"U lấy cái này đi."

U nhìn tôi.

"Thế mày ăn bằng gì?"

“Con đổi cái kia.”

U gạt bát tôi trở lại.

“Ăn đi.”

Rồi u cầm cái bát mẻ lên, xoay miệng bát tìm chỗ lành hơn.

“Cái lành phần con, cái mẻ u giữ.”

U nói bình thường, như nói chuyện chia cơm. Tôi nghe. Hồi ấy, tôi cứ tưởng bát nào chẳng là bát.

.

Ngoài hiên đã tối lúc nào không biết. Quyển vở vẫn mở trên đầu gối tôi, trang giấy vẫn trắng. Tôi chưa viết được chữ nào. Vợ tôi từ trong nhà bước ra.

“Ông còn ngồi đấy à? Vào ăn cơm.”

Tôi gấp quyển vở lại. Bà ấy nhìn thấy cái bát trên bàn, tiện tay cầm luôn. Tôi nhìn tay bà. Bà xoay cái bát một chút để chỗ mẻ khỏi cấn vào ngón tay. Chỉ một động tác nhỏ mà tự nhiên tôi nhớ bàn tay u.

Trong tủ nhà tôi bây giờ thiếu gì bát lành. Vậy mà cái bát mẻ ấy vẫn ở trong tay vợ tôi. Bà ấy đi vào được mấy bước, thấy tôi chưa đứng dậy thì quay lại:

“Đi vào không?”

“Ừ.”

Tôi vẫn ngồi thêm một lát, nhìn theo cái bát mẻ, cũng chẳng hỏi bà ấy vì sao.

CHƯƠNG 2

Cây roi tre



Sáng hôm sau, vợ tôi quét sân. Tôi lại ngồi ngoài hiên với quyển vở trắng. Hôm qua cầm nó gần cả buổi, cuối cùng chẳng viết được lấy một chữ. Bà ấy quét từ ngoài cổng vào. Cái chổi tre kéo trên nền gạch nghe sàn sạt, đều đều. Tiếng ấy tôi nghe cả đời rồi. Hồi nhỏ u quét. Sau lấy vợ thì vợ quét. Bình thường, chẳng ai ngồi để ý như thế, sáng ấy, tôi lại nghe rất rõ.

Tiếng chổi làm tôi nhớ cái đêm u quét mảnh bát. Rồi đi xa thêm một chút, về đúng góc nhà ngày trước, cây chổi vẫn được dựng sau mỗi lần dùng, còn kế đó là chỗ thầy giữ vật thầy dùng để trút những cơn giận.

Là cây roi.

.

Roi ở góc nhà tôi do thầy tự vót. Tre đực, dài hơn một thước, thân chỉ lớn hơn ngón tay cái một chút. Thầy vót hết mắt, mài cho nhẵn. Cầm lâu ngày, chỗ tay nắm lên nước, đen bóng. Thầy dựng ở góc nhà cạnh cây chổi, ngày này qua ngày khác. Trẻ con chúng tôi chẳng ai được dặn phải nhớ nó ở đâu. Nhưng hễ ngang qua góc ấy kiểu gì mắt cũng liếc một cái xem nó còn đó không.

Có một cây roi dựng trong nhà, căn nhà nó khác. Chẳng cần ngày nào cũng dùng. Có khi cả tháng nó vẫn nằm yên. Nhưng chỉ cần biết nó vẫn ở đấy, cả

nhà đã tự biết câu nào nên nuốt lại, việc gì phải làm nhanh hơn, hôm nào thấy mặt thầy không vui thì đừng chạy nhảy trước mắt.

Thầy không đánh con vô cớ. Ít nhất hồi ấy tôi nghĩ thế. Lần nào cũng có một lý do: làm vỡ đồ, cãi người lớn, bỏ việc đi chơi. Những chuyện trẻ con làm sai thật. Chỉ có điều sai tới đâu thì đáng mấy roi, chẳng đứa nào biết.

Tôi nhớ nhất dạo đi chăn trâu cho hợp tác xã, tính công điểm cho nhà. Nhà đông miệng ăn. Đứa nào đến tuổi làm được việc thì làm, có thêm chút công nào hay chút ấy.

Hôm đó tôi đưa trâu ra gần cánh đồng lúa. Trâu đang ăn cỏ thì mấy thằng trong xóm rủ đánh khăng. Tôi nghĩ chơi vài ván rồi quay lại. Trẻ con nghĩ chuyện gì cũng "một tí". Đến lúc nghe tiếng người ngoài ruộng quát, tôi mới chạy. Con trâu đã lội qua bờ, ăn mất một khoảnh lúa đang lên.

Người trông đồng kéo tôi về. Chuyện tới tai đội trưởng. Thầy phải sang xin lỗi. Nhà bị trừ công điểm. Bao nhiêu, tôi không nhớ nữa. Chỉ nhớ tối hôm ấy, từ lúc thầy bước vào cửa, cả nhà chẳng đứa nào dám nói to.

Tôi biết mình có lỗi, biết rất rõ. Chỉ không biết mình sẽ bị đánh thế nào. Cơm tối xong, thầy gọi tôi ra. Thầy không quát. Chỉ nhìn tôi một lúc rồi với tay về góc nhà. Đó mới là lúc chân tôi mềm đi.

Thầy rút roi ra.

"Nằm xuống."

Tôi nằm sấp trên phản. Không khóc, ít nhất lúc đầu là thế. Tôi nghe tiếng roi vút qua không khí trước khi cảm thấy nó chạm vào người. Tôi tự đếm trong đầu: một, hai, ba. Tôi cứ đếm, dù chẳng biết đếm tới bao nhiêu thì thầy dừng.

U đứng ở cửa buồng. Tôi không nhìn nhưng biết u ở đó. U không can. Can vào những lúc như thế thường chỉ làm mọi chuyện nặng thêm. Tôi nghe tiếng u thở. Mỗi lần roi xuống, hơi thở ấy lại chậm một nhịp.

Tới lúc thầy dừng, tôi nằm thêm một lúc mới ngồi dậy được. Thầy dựng cây roi trở lại đúng góc cũ, như cất một cái cuốc, rồi đi ra ngoài. U đợi thầy khuất mới lại gần. U kéo áo tôi lên xem, lấy khăn nhúng nước ấm chườm. Tay u làm rất nhẹ nhưng miệng vẫn mắng:

"Ai bảo mày mải chơi. Trông trâu thì phải trông."

Tôi bực.

"U còn mắng con."

“Không mắng thì lần sau lại để nó ăn hết lúa người ta à?”

Bà nói vậy mà mắt đỏ. Tôi quay mặt đi. Hồi ấy, tôi chỉ thấy oan ở chỗ đã bị đánh rồi còn bị u mắng. Bây giờ nhớ lại, tôi mới hiểu u chẳng bênh được ai cho trọn. Bà không ngăn nổi thầy, mà cũng không thể bảo chuyện tôi bỏ trâu đi chơi là đúng. Thành ra bà chỉ biết chườm lưng cho con rồi mắng thêm vài câu.

Có lần, cây roi ấy còn rơi vào người u. Tôi không muốn kể chuyện đó. Chỉ nhớ sáng hôm sau, u vẫn dậy sớm như mọi ngày, vẫn nhóm bếp, bắc nồi, gọi từng đứa dậy ăn. Lúc cúi xuống nhặt củi, bà hơi khựng lại một chút rồi mới đứng lên.

Tôi nhìn thấy nhưng không hỏi. Hồi ấy, tôi cứ nghĩ ngủ qua một đêm, sáng ra mọi người vẫn ăn cơm, vẫn đi làm, thì chuyện đêm trước coi như qua rồi. Sau này mới biết có những chuyện cứ nằm lại mãi.

.

Nếu chỉ nhớ tới cây roi, có lẽ kể về thầy dễ hơn nhiều. Chỉ cần bảo ông ấy dữ là xong. Nhưng con người không chỉ gọn trong một chữ như thế. Năm tôi khoảng mười tuổi, tôi sốt một trận nhớ đời. Tôi không nhớ mình sốt mấy ngày, chỉ nhớ trong người lúc nào cũng nóng ran. U lấy khăn nhúng nước lau

người, nấu mấy thứ lá cho tôi uống. Tôi mê man, lúc tỉnh lúc ngủ.

Có một đêm tôi mở mắt. Đèn dầu vặn rất nhỏ. Thầy đang ngồi ở mép phản. Tôi tưởng mình nhìn nhầm. Ngày thường đi làm về, giờ đó thầy ngủ rồi. Hôm ấy thầy ngồi sát bên, một bàn tay đặt lên trán tôi.

Tay thầy thô, mấy đầu ngón chai cứng. Vậy mà áp lên trán lúc ấy lại thấy mát. Tôi cựa người. Thầy cúi xuống.

"Khát không?"

Tôi không nói nổi, chỉ gật. Thầy đỡ đầu tôi lên, đưa bát nước tới miệng. Tôi uống được hai ngụm rồi quay đi. Thầy đặt bát xuống, kéo lại cái chăn mỏng ngang bụng cho tôi. Một lúc sau tôi lại ngủ.

Sáng hôm sau không thấy thầy. Mãi sau u mới kể đêm đó thầy sang tận làng bên tìm ông lang. Trời mưa. Đường tối. Thầy đi bộ mấy cây số, gõ cửa nhà ông lang xin ít lá mang về. Khi về tới nhà, quần áo ướt sũng, còn nắm lá được nhét trong ngực áo.

U kể tới đó còn cười:

"Người ướt như chuột mà lá thì khô."

Tôi nằm nghe, không nói gì. Ngày bé tôi không biết phải xếp chuyện ấy vào đâu. Bàn tay thầy cầm roi, cũng bàn tay ấy đặt trên trán tôi cả đêm, rồi giữ nắm lá trong ngực áo để khỏi ướt.

Hồi ấy tôi vẫn tưởng phải chọn một trong hai. Hoặc thương, hoặc ghét thầy. Mãi về sau tôi mới hiểu, cảm xúc của con người có lúc đầy, lúc vơi. Mà biết rồi cũng vậy, những trận đòn vẫn đau như cũ.

Nó chỉ làm chuyện về thầy khó kể hơn.

.

Còn một chuyện nữa về thầy, mãi đến khi lớn tôi mới biết. Trẻ con thường nghĩ cha mẹ sinh ra đã già như thế. Hồi bé, tôi chưa từng tưởng tượng thầy cũng có lúc nhỏ bằng tôi, cũng từng chạy chân đất ngoài sân, từng đói, từng liếc nhìn người lớn, không biết một lát mình có bị mắng hay bị đánh không.

Sau này nghe người trong họ kể, tôi mới ghép được một ít. Thầy sinh trước tôi gần ba chục năm. Hồi nạn đói năm Ất Dậu, thầy đang tuổi mới lớn. Người ta kể năm ấy đói tới mức trong làng hết thứ này tới thứ khác được đào lên ăn. Củ chuối, rau dại, thứ gì nuốt được thì nuốt. Có nhà sáng ra đã nghe tin người chết.

Bà nội tôi mất trong quãng ấy. Tôi chưa bao giờ biết mặt bà. Thầy mất mẹ khi còn chưa thành người lớn. Ông nội thì dữ. Chuyện cụ đánh con thế nào tôi chỉ nghe kể lại, mà người trong họ mỗi người nhớ một kiểu. Tôi không biết cây roi nhà ông nội dài hơn hay ngắn hơn của nhà tôi. Cũng không biết thầy có

từng nằm sấp trên một cái phản nào đó mà đếm như tôi không.

Tôi chỉ biết căn nhà thầy lớn lên chẳng dễ chịu hơn căn nhà của chúng tôi sau này. Có lần, một bác trong họ kể thầy ngày trẻ lì lắm. Bị đánh xong không khóc, cứ cắn răng chịu. Tôi nghe mà nghĩ bụng: thế thì giống thầy thật.

Tôi cũng từng cắn răng như thế. Tôi không biết những năm đó đã ở lại trong thầy bao nhiêu. Nhưng cũng không thể vì thầy từng khổ mà bảo những trận đòn roi về sau là chuyện phải thế.

Từ lúc nhận ra thầy cũng từng lớn lên, từng trải qua khó nhọc, tôi không còn chỉ nhớ tới mỗi cây roi nữa. Trước khi cầm roi, thầy tôi cũng từng được mẹ mình thương, được thong dong vô lo vô nghĩ. Chỉ có điều khi lớn lên, ông vẫn giữ trong nhà một cây roi.

.

Tiếng chổi ngoài sân đã im từ lúc nào. Vợ tôi đem chổi dựng vào góc cạnh bể nước rồi đi vào bếp. Tôi nhìn theo cái cán tre dựng nghiêng, nhà tôi sau này chỉ dựng duy nhất cây chổi ở đó.

Hồi mười ba, mười bốn tuổi, sau cái lần bị đánh vì con trâu ăn lúa, tôi đã từng nằm sấp trên phản và tự nhủ rất rõ: sau này nhà mình sẽ không có cái góc

nào dựng thứ ấy. Hồi đó tôi nghĩ chỉ cần mình ghét một thứ đủ nhiều thì lớn lên sẽ tự nhiên gạt được nó đi. Tôi từng nghĩ đơn giản như vậy, chỉ cần lớn là sẽ khác ông.

Tôi nhìn xuống quyển vở. Trang giấy vẫn trắng. Lần này tôi không ngồi chờ thêm. Tôi đặt đầu bút xuống. Ngòi bút khựng một chút rồi kéo qua mặt giấy, để lại một nét mực hơi nhòe. Tôi viết chậm. Chữ đầu tiên xiêu sang một bên. Chữ sau cũng chẳng đẹp hơn.

Nhưng cuối cùng, trên trang giấy đã có chữ.

CHƯƠNG 3

Dốc đời



Sau nhà tôi, trên vách kho, vẫn còn treo cái xe đạp cũ. Nói là xe thì cũng hơi quá. Hai bánh đã hỏng gần hết nan, vành méo, xích gỉ cứng. Cái yên rách từ đời nào, lớp da bong ra, lòi miếng đệm bên trong đã đen sì. Khung xe trước kia chắc màu xanh, giờ chỉ còn từng mảng sơn bám lại giữa những vệt han đỏ.

Năm ngoái con gái út về dọn nhà, nhìn thấy nó thì bảo:

"Ba để con gọi đồng nát tới lấy. Treo thế này chật cả kho."

Tôi bảo:

"Cứ để đấy."

"Nó còn chạy được đâu."

"Không chạy được thì treo."

Nó nhìn tôi một lúc, chắc lại nghĩ ông già dở chứng. Tôi cũng chẳng giải thích. Cái xe ấy bây giờ không chở nổi một người. Ngày trước thì khác.

Tôi ngồi ngoài hiên, quyển vở đặt trên đầu gối. Mấy trang đầu giờ đã có chữ, không nhiều. Những nét chữ lâu ngày không viết cứ xiêu bên này, ngả bên kia. Có chữ tôi nhìn lại còn chẳng biết mình vừa viết gì.

Tôi ngẩng lên nhìn về phía cái kho. Mắt dừng chỗ cái xe.

.

Hồi tôi ngoài hai mươi, thầy đi làm xa, sắm cái xe khác tốt hơn nên để lại cái này cho tôi. Nói cho sang là cho, chứ thật ra nhà đông con, cái gì người lớn không dùng nữa thì đứa sau dùng tiếp.

Phanh trước gần như không ăn, xuống dốc phải bóp cả hai tay rồi chống thêm chân. Xích lúc căng lúc chùng, đang đi có khi tuột ra, phải dựng xe giữa đường mà gẩy. Hôm nào mặc cái quần sáng màu, đến nơi y như rằng ống quần có một vệt dầu đen.

Nhưng ngày ấy, có cái xe đạp là oách lắm. Tôi lau nó kỹ hơn lau mặt mình. Và tôi dùng cái xe ấy để đi tán vợ. Nói "tán" thì oan cho tôi. Tôi có biết nói lời ngon tiếng ngọt gì đâu.

Nhà bà ấy ở làng bên, cách nhà tôi một quãng đồng với một con dốc. Ông cụ góa vợ từ sớm. Ông vốn người gốc trong Nam, tập kết ra Bắc rồi ở lại lấy vợ làng ấy, nên con cái trong nhà vẫn gọi ông là ba. Con cái lớn thì tản đi, người làm ăn xa, người lấy chồng. Trong nhà thường chỉ còn ông cụ với đứa con gái út.

Nhà ông neo người, việc đồng việc nhà làm chẳng xuể. Tôi thì khỏe. Thế là tôi sang phụ. Ban đầu là làm việc thật. Một bữa đi qua, thấy ông cụ đang lom khom dựng lại đoạn hàng rào bị trâu húc, tôi dựng

xe xuống làm giúp. Bữa sau thấy mái bếp dột thì leo lên lợp lại. Mùa gặt sang cắt hộ mấy sào. Mương tắc thì đào, củi hết thì chẻ.

Có hôm sang tới nơi chẳng thấy việc gì, tôi vẫn kiếm ra việc để làm. Chẻ thêm bó lạt, mài lại cái cuốc, dọn cái bờ ao. Có lần cụ ngồi uống nước vối dưới gốc mít, nhìn tôi đang hì hụi chữa cái chân chuồng gà:

"Nhà mày không có việc à?"

"Xong hết rồi."

"Nhà chín anh em mà hết việc nhanh thế?"

Tôi cúi xuống làm tiếp. Ông cụ cười khà khà. Tôi biết bị bắt bài nhưng vẫn giả vờ không biết. Con gái ông cụ hồi ấy đẹp hay không, bây giờ bảo tôi kể thì cũng khó. Người ta sống với nhau mấy chục năm, đến lúc già nhìn lại tự nhiên chẳng nhớ được hồi trẻ mũi cao hay thấp, mắt to hay nhỏ.

Tôi chỉ nhớ bà ấy hay cười. Cười to nữa là khác. Không phải kiểu con gái người ta cười rồi lấy tay che miệng. Bà ấy cười thì ngửa cả mặt lên, mắt híp lại. Lần đầu bà ấy nói chuyện tử tế với tôi là lúc tôi đang vá mái bếp. Tôi đứng trên mái, bà ấy đứng dưới sân.

"Anh sang giúp ba tôi suốt thế, nhà anh không ai mắng à?"

"Có gì mà mắng."

“Thế chắc nhà anh giàu lắm, chẳng phải làm gì.”

Tôi tưởng hỏi thật.

“Nhà tôi nghèo bỏ xừ.”

Bà ấy bật cười. Tôi mới biết mình vừa bị trêu. Bà đặt bát nước lên bậc cửa.

“Xuống uống nước đi. Ngã từ trên ấy xuống thì ba tôi lại mang tiếng bắt người ta làm không công.”

Tôi tụt xuống, cầm bát nước uống một hơi. Bà ấy nhìn hai tay tôi, dầu xe còn bám ở mấy kẽ móng.

“Anh đi đâu cũng bẩn thế à?”

“Tại cái xích xe.”

“Hay tại người?”

Tôi không biết trả lời. Bà ấy lại cười. Từ hôm ấy, tôi sang nhiều hơn. Vợ tôi hồi trẻ học giỏi. Nhà nghèo nhưng đầu óc sáng. Mười tám tuổi, bà ấy thi đỗ sư phạm. Cả làng biết chuyện. Ông cụ mừng tới mức đi đâu cũng khoe. Con gái nhà nông mà học được tới đó ngày ấy không phải chuyện thường. Ai cũng bảo rồi đây thành cô giáo, đứng lớp, đỡ phải dãi nắng ngoài đồng.

Tôi cũng nghĩ thế. Tôi còn từng tưởng tượng bà ấy mặc áo dài đứng trên bục giảng. Nhưng rồi bà ấy không đi học. Có suất sang Liên Xô lao động trong nhà máy dệt. Người ta bảo đi vài năm, chịu khó làm thì dành dụm được tiền gửi về sửa nhà, đỡ ông cụ.

Bà ấy chọn đi. Tôi nghe tin từ ông cụ. Hôm ấy đang chẻ củi, tôi bổ hụt một nhát, lưỡi rìu cắm xuống đất. Ông cụ nhìn tôi.

"Con bé nó đi thì tốt cho nó."

Tôi gật.

"Vâng."

"Nhà nghèo, học xong ra lương giáo viên cũng chẳng được mấy."

"Vâng."

"Nó đi vài năm rồi về."

"Vâng."

Ông cụ nghe tôi vâng mãi cũng bực.

"Biết nói mỗi một chữ à?"

Tôi không biết nói gì khác. Trước hôm đi, bà ấy ngồi ngoài giếng giặt quần áo. Tôi sang trả ông cụ cái liềm vừa mượn. Thật ra nhà tôi có liềm. Tôi chỉ cần một cái cớ để sang. Bà ấy thấy tôi thì gọi:

"Anh."

Tôi dừng lại.

"Nghe nói tôi đi rồi anh vẫn định sang đây làm thuê không công à?"

"Tôi giúp ba cô."

"Giúp ba tôi thì cứ giúp."

Bà vắt cái áo, nước nhỏ xuống sân. Tôi đứng đấy một lúc rồi hỏi:

"Bao giờ đi?"

"Cuối tháng."

"Bao giờ về?"

"Biết đâu."

"Người ta bảo mấy năm."

"Có khi mấy năm. Có khi lâu hơn."

Tôi gật. Bà ấy nhìn tôi.

"Anh hỏi để làm gì?"

Tôi lại không nói được. Đàn ông nhà tôi hình như cứ tới lúc cần nói thì cái miệng lại thành vô dụng. Bà chờ một lát rồi cười, nhưng lần này cười nhỏ hơn.

"Thôi, về đi."

Tôi quay đi được mấy bước thì nghe gọi:

"Anh này."

Tôi quay lại.

"Cái xe ấy mà còn đi được thì giữ lấy."

Tôi nhìn cái xe dựng ngoài cổng.

"Chứ vứt làm gì?"

"Biết đâu lúc tôi về vẫn còn thấy."

Nói xong bà cúi xuống giặt tiếp. Tôi đạp xe về. Hôm ấy con dốc giữa hai làng dài hơn mọi ngày.

.

Bà ấy đi. Tôi vẫn sang nhà ông cụ. Ban đầu sang thưa hơn, sau lại thành đều, mùa nào việc nấy. Ông cụ già nhanh thật. Có những việc trước kia tự làm được, giờ làm một lúc phải ngồi xuống thở. Tôi không còn phải nghĩ cớ để sang nữa.

Có hôm làm xong, hai người ngồi uống nước, ông cụ kể con gái gửi thư về. Bên ấy lạnh, lạnh tới nứt tay. Nhà máy làm theo ca, có đợt phải đứng cả ngày. Cụ bảo bà ấy gửi được ít tiền về.

Tôi nghe, chẳng dám hỏi thêm. Một lần ông cụ lấy lá thư trong túi áo, đọc đi đọc lại rồi cười. Tôi hỏi:

"Có chuyện gì thế cụ?"

"Nó hỏi cái xe cà tàng của mày còn chạy không."

Tôi tưởng nghe nhầm.

"Ai?"

"Con bé."

Ông cụ cười. Tôi nóng cả mặt.

"Chắc hỏi linh tinh."

"Ừ. Linh tinh."

Ông cụ gấp thư lại. Từ hôm ấy, ngày nào tôi cũng mang xe ra lau. Xích đang kêu cũng tháo ra tra lại dầu. Bà ấy đi gần hai năm, hoặc hơn một chút. Giờ tôi không nhớ đúng từng ngày. Tuổi già lạ thật. Có

những tiếng vỡ từ hồi bé tôi vẫn nghe rõ, vậy mà bà ấy về hôm nào, tôi lại chẳng nhớ nổi.

Trong quãng ấy, u tôi mất. U đi nhanh. Hôm đưa u ra đồng, tôi đứng bên huyệt nhìn từng xẻng đất lấp xuống. Không hiểu sao lúc ấy tôi nghĩ tới cái chạn bát trong nhà. Cái chỗ ngày trước u úp riêng cái bát lành đã trống từ lâu.

Nhà đông người. Anh em đủ cả. Vậy mà hôm về, căn nhà nom trống trải. Thầy ít nói hơn sau đám tang. Hay có thể thầy vẫn vậy, chỉ là không còn u nên cái im của thầy nghe rõ hơn. Tôi sang nhà ông cụ nhiều hơn. Có lúc không phải vì chờ con gái ông. Chỉ vì ở đó ngồi dễ thở.

Ông cụ ít hỏi. Một hôm cụ bảo:

"Tao viết thư bảo nó về."

Tôi đang cuốc lại bờ rau thì dừng tay.

"Về hẳn ạ?"

"Ừ."

"Sao lại về?"

"Ở bên ấy làm được mấy năm rồi. Nhà này cũng cần người. Nó xin về trước hạn, phải bỏ lại một khoản."

Ông cụ nhìn tôi rồi thêm:

"Với lại có người cứ sang đây cày ruộng mãi, tao trả công không nổi."

Tôi cúi xuống cuốc tiếp.

"Con có đòi công đâu."

"Chính thế mới nguy."

Tôi nghe mà không dám cười. Ngày bà ấy về, tôi không ra đón. Tôi biết hôm ấy. Ông cụ đã nói. Nhưng tôi không ra. Tôi sợ người đi gần hai năm trời về đã khác, mà mình vẫn nguyên là thằng đàn ông nghèo, đi cái xe cũ, trong túi chẳng có gì.

Chiều ấy tôi đang ở nhà thì nghe tiếng xe ngoài ngõ. Tôi bước ra. Bà ấy đứng đó. Gầy hơn. Tóc cắt ngắn hơn trước. Mặc cái áo may bằng thứ vải ở làng chưa ai có. Bên cạnh là cái túi to.

Tôi đứng ngẩn. Bà nhìn tôi từ đầu xuống chân, rồi nhìn cái xe dựng cạnh vách. Bà cười.

"Còn thật."

"Cái gì?"

"Cái xe."

Tôi cũng cười. Gần hai năm không gặp. Câu đầu tiên lại là chuyện cái xe. Bà mang về cho nhà đủ thứ: vải, một cái khăn len cho ông cụ, con búp bê Nga xếp lồng vào nhau, mấy món đồ lạ tới mức trẻ con trong xóm cũng kéo sang xem.

Mấy hôm sau, tôi lại tới. Ông cụ không có nhà. Bà ấy đang phơi quần áo ngoài sân.

“Anh tìm ba tôi à?”

“Ông cụ đi đâu?”

“Không biết mà vẫn sang?”

“Quen chân.”

Bà cười. Tôi ngồi xuống cái ghế con cạnh hiên. Một lúc không ai nói gì.

“Ba tôi viết thư sang bảo anh vẫn qua suốt.”

“Ba cô có tuổi rồi.”

“Chỉ vì ba tôi?”

Tôi nhìn xuống hai bàn tay.

“Không.”

Bà im.

“Không chỉ vì ba cô.”

Bà vẫn không nói. Tôi ngẩng lên. Bà đang nhìn tôi. Tôi tưởng bà sẽ cười, nhưng lần ấy bà không cười.

“Thế vì ai?”

Tôi nuốt nước bọt.

“Biết rồi còn hỏi.”

Mặt bà đỏ. Lần đầu tiên, tôi thấy bà không nghĩ ra câu nào để trêu lại. Một lúc sau, bà cúi xuống gom quần áo.

“Biết đâu.”

Tôi nghe thế thì cuống.

“Biết thật.”

Bà bật cười. Thế là tôi mới thở được.

.

Sau này tôi mới biết chuyện bà về không chỉ vì lá thư của ông cụ. Bà ấy nhớ ông cụ, nhớ nhà, rồi cũng mệt vì sống xa. Có lẽ có một phần vì tôi. Bao nhiêu thì tôi chưa từng hỏi.

Một chiều, hai đứa đạp xe ra ngoài đồng. Bà ngồi sau, tôi đạp. Đường đất lồi lõm, xe xóc, bà cứ phải túm lấy áo tôi. Đi được một quãng, bà hỏi:

“Nếu tôi không về thì anh chờ tới bao giờ?”

“Không biết.”

“Có khi tôi ở luôn bên ấy?”

“Thì thôi.”

“Thôi là sao?”

“Thì chờ tới lúc không chờ nữa.”

Bà đập nhẹ vào lưng tôi.

“Anh nói chuyện nghe phát bực.”

Tôi cười. Một lát sau bà hỏi:

“Thế giờ tôi về rồi thì sao?”

Tôi dừng xe. Bà giật mình.

“Dừng làm gì?”

Tôi quay lại.

“Có lấy tôi không?”

Bà trố mắt. Tôi cũng không hiểu hôm ấy mình gan ở đâu ra. Chắc tại nếu cứ đạp tiếp, câu ấy lại chui xuống bụng mất. Bà nhìn tôi rất lâu.

“Anh hỏi cưới người ta giữa đường thế này à?”

“Tôi hỏi thật.”

Bà quay mặt đi.

“Thì về hỏi ba tôi.”

“Ba cô đồng ý rồi.”

Bà quay phắt lại.

“Ai bảo?”

“Ba cô bảo ưng tôi rồi.”

Bà nheo mắt.

“Ba tôi lấy anh hay tôi lấy anh?”

Tôi cứng họng. Bà xuống xe, đi bộ mấy bước. Tôi tưởng giận, dắt xe theo. Một lúc sau bà nói:

“Lần sau muốn cưới ai thì hỏi người ta trước.”

Tôi lí nhí:

“Thì tôi vừa hỏi.”

Bà quay sang.

“Ừ.”

“Ừ là sao?”

“Là được.”

Rồi bà đi trước. Tôi đứng giữa đường nhìn theo. Bà đi được một đoạn mới quay lại:

"Không về à?"

Tôi dắt xe chạy theo. Vợ tôi lấy tôi như thế. Không phải vì ông cụ gả. Ông cụ chỉ mở cửa. Người bước qua là bà ấy.

.

Hai năm đi xa, bà ấy cũng để dành được một ít. Nhưng gửi về nhà, rồi lo cho ông cụ, còn lại chẳng bao nhiêu.

Tôi về thưa với thầy. Tôi cứ nghĩ chuyện khó nhất đã qua. Thầy không đồng ý.

"Lấy nhà ấy làm gì? Nhà nó cũng nghèo kiết như nhà mình."

Thầy tính rất nhanh. Hai đứa nghèo lấy nhau. Đẻ con. Ăn bằng gì. Ở đâu. Làm gì.

"Muốn lấy thì tìm cái nhà khá một tí. Nó đỡ mày được. Nghèo chồng lên nghèo thì khổ ba đời."

Tôi nghe mà trong bụng sôi lên. Ngày ấy tôi chỉ nghĩ: sao thầy không thể một lần đứng về phía tôi? Sau này tôi mới hiểu, cả đời thầy sợ cảnh thiếu ăn. Chuyện gì thầy cũng nhìn tới phần phải lo sau đó: thêm một cái miệng là thêm gạo, một đứa con là thêm bao nhiêu năm nuôi, một đám cưới là tiền lấy ở đâu.

Thầy không nhìn thấy người con gái tôi thương. Thầy chỉ nhìn thấy một căn nhà nghèo kiết khác. Hồi đó, tôi không nghĩ được như vậy. Tôi chỉ thấy mình bị chối. Tôi xin thầy đứng ra lo giúp một cái lễ. Không cần to, có gì làm nấy.

Thầy bảo:

"Đã thích thì tự lo."

Tôi đứng dậy. Không cãi. Tôi sợ nếu nói thêm, hai cha con sẽ lại gây chuyện khác. Đêm ấy, tôi ra mộ u. Mộ còn mới, đất vẫn chưa lún hết. Ban ngày, thằng đàn ông hai mươi mấy tuổi còn biết giữ mặt mũi. Tới đêm chẳng có ai, tôi khóc.

Tôi kể hết. Kể chuyện tôi muốn cưới. Kể chuyện thầy không đồng ý. Kể chuyện nhà gái cũng chẳng giàu. Kể chuyện trong tay tôi không có gì.

"U ơi, giờ con làm thế nào?"

U không trả lời. Gió thổi qua ruộng. Có con gì kêu ngoài bờ mương. Tôi ngồi rất lâu. Rồi không hiểu sao lại nhớ tới những bữa cơm ngày trước, cái bát mẻ trong tay u, những sáng u dậy trước cả nhà để nhóm bếp.

Tôi quệt mặt.

"Thôi."

Tôi nói với u hay nói với mình, tôi cũng không biết.

“Con tự lo.”

Sáng hôm sau tôi trèo lên cây cau đầu ngõ. Cây cao, tôi trèo từ bé nên quen. Tới gần ngọn, gió thổi rung cả thân, nhìn xuống thấy người dưới đất bé tí. Tôi chọn buồng cau đẹp nhất, chặt xuống rồi ra giàn hái trầu. Lá rách bỏ ra, lá sâu bỏ ra, chỉ giữ những lá lành. Tất cả bày lên một cái mâm.

Không nhẵn. Không vàng. Không mâm cỗ.

Một mâm trầu cau.

Tôi bưng sang nhà ông cụ. Cụ nhìn cái mâm rồi nhìn tôi.

“Hết rồi à?”

Tôi ngượng.

“Vâng.”

Ông cụ im một lúc. Tôi tưởng cụ chê. Rồi cụ bảo:

“Thế là đủ.”

Bà ấy đứng ở cửa buồng nhìn ra. Tôi nhìn bà. Bà cười. Cái cười hôm ấy tôi nhớ mãi. Cái mâm nghèo bỏ xừ, vậy mà bà nhìn tôi như thể tôi vừa mang sang một thứ gì đáng giá lắm.

Ông cụ bảo:

“Tao không cần thằng giàu. Tao cần thằng tử tế.”

Rồi cụ nhìn tôi.

“Con gái tao theo mày, đừng để nó khổ.”

Tôi gật.

"Vâng."

Lúc ấy, tôi tin mình làm được. Ông cụ tin tôi là người tốt. Dạo ấy, tôi cũng tin thế.

.

Đám cưới chẳng có gì đáng kể. Mấy mâm cơm, họ hàng, hàng xóm, trầu cau. Ai có gì mang tới góp, người cân gạo, người con gà. Thầy cuối cùng vẫn sang. Ông không vui nhưng cũng không làm ầm ĩ, ngồi một góc, ăn xong thì về.

Tôi không biết ngày ấy trong bụng thầy nghĩ gì. Tôi cũng không hỏi. Cưới xong, chúng tôi nghèo. Nhưng nói thật, có một quãng nghèo mà vui. Hai vợ chồng ở trong một gian nhà nhỏ. Mùa hè nóng. Mùa đông gió lùa qua khe vách. Trời mưa phải đặt chậu ở góc nhà vì mái dột. Có hôm đang ăn, nước nhỏ đúng giữa mâm, hai đứa phải bưng mâm chạy sang chỗ khác.

Bà ấy vừa chạy vừa cười:

"Nhà anh đẹp thật."

Tôi bảo:

"Nhà từ giờ là của cả hai chứ nhà tôi gì."

"Thế càng khổ."

Miệng than mà vẫn cười. Buổi sáng, bà dậy trước nấu cơm, tôi ra đồng. Có hôm bà đi chợ, tôi chở bằng xe đạp. Cái xe sau khi có vợ lại làm nhiều việc hơn hồi trước. Chở lúa, chở rau, chở bó củi, chở cả hai vợ chồng.

Bà ngồi sau, miệng nói suốt. Chuyện nhà nọ, chuyện người kia, chuyện những năm bên Liên Xô, chuyện một ngày nào đó có tiền sẽ sửa mái. Tôi phần lớn chỉ nghe. Có lần bà hỏi:

"Anh có nghe tôi nói không đấy?"

"Có."

"Tôi vừa nói gì?"

Tôi chịu. Bà đập vào lưng tôi.

"Đấy. Biết ngay."

Tôi cười. Cái xe xích vẫn tuột, phanh vẫn chẳng tốt hơn. Vậy mà hồi ấy tôi thấy nó chạy êm. Một chiều đi ngang trường làng, nghe tiếng trẻ con đọc bài, bà đứng ngoài hàng rào nhìn vào lâu lắm.

Tôi hỏi:

"Muốn dạy à?"

"Ngày xưa tôi cũng từng nghĩ mình sẽ đứng trong ấy."

Tôi chẳng biết an ủi thế nào.

"Sau này có điều kiện thì học tiếp."

Bà cười.

"Sau này là bao giờ?"

"Rồi có."

Hồi ấy, hai đứa hay nói chữ "rồi". Rồi có tiền. Rồi sửa nhà. Rồi đỡ nghèo. Rồi cuộc sống sẽ dễ hơn. Hai đứa đều tin.

Rồi bà ấy có mang. Đứa đầu. Thằng con trai lớn của tôi. Từ hôm biết có thai, bà đi đứng cẩn thận hơn. Tôi cũng tự nhiên đâm ra lo. Đường trơn thì không cho đi. Gánh nặng thì giành.

Bà bảo:

"Có thai chứ có què đâu."

Tôi vẫn giằng lấy. Có đêm bà đau lưng, tôi thức ngồi xoa. Hồi ấy, tôi làm những việc như thế rất tự nhiên. Tôi không nghĩ mình đang làm một người chồng tốt. Tôi chỉ thấy bà mệt thì đỡ.

.

Đêm bà ấy trở dạ, tôi nhớ rất rõ. Nửa đêm, ngoài trời tối. Nhà hộ sinh ở xa. Bà đau từng cơn, người gập lại. Tôi luống cuống tới mức đứng nhìn. Bà còn đủ sức mắng:

"Anh đứng đấy nhìn làm gì, lấy đồ đi."

Tôi mới sực tỉnh. Tôi buộc mấy thứ cần thiết lên xe, đỡ bà ngồi sau rồi đạp. Qua khỏi làng phải lên

một con dốc dài. Dốc ngày thường tôi đi quen, hôm đó mới thấy nó cao. Vợ nặng. Xe nặng. Tôi lại cuống.

Tới chân dốc, tôi gò người đạp được một đoạn thì chân mỏi nhừ. Xe chậm dần rồi đứng hẳn. Tôi nhảy xuống.

"Cứ ngồi yên."

Bà đang ôm bụng.

"Anh tính làm gì?"

"Đẩy."

Tôi nắm ghi đông, một tay giữ xe, một tay lúc nào cũng sẵn để đỡ lưng bà. Bánh xe nghiến trên đá, lạo xạo. Mồ hôi chảy xuống mắt cay xè. Bà đau, thỉnh thoảng lại rít lên. Tôi cứ hỏi:

"Được không?"

Bà cáu:

"Không được thì cũng phải được."

Đi được nửa dốc, tôi thở không ra hơi. Bà nhìn tôi rồi không hiểu sao vẫn còn đùa:

"Anh mà đẩy tuột cả tôi xuống ruộng thì tôi đẻ luôn dưới ấy."

Tôi bật cười.

"Cứ ngồi yên."

Tôi cúi người đẩy tiếp.

"Có tôi."

Ngày ấy, tôi nói hai chữ đó dễ lắm. Tôi tin một người đàn ông chịu khó thì sẽ lo được cho vợ con. Đường dốc thì đẩy. Nhà dột thì lợp. Hết gạo thì đi làm. Tôi có hai bàn tay.

Tôi cứ nghĩ thế là đủ. Lên tới đỉnh dốc, tôi phải dừng lại thở. Hai chân run. Tôi quay nhìn xuống, con đường vừa đi qua nằm đen hun hút phía dưới. Trên cao có gió. Bà ấy ngồi sau lưng tôi, im hơn lúc nãy.

"Đau lắm à?"

Bà gật.

"Cố một tí."

Rồi tôi leo lên xe, đạp tiếp. Gần sáng, thằng con trai tôi ra đời. Nó nhỏ, đỏ hỏn, khóc rất to. Người ta bế ra cho tôi nhìn, tôi đứng ngoài, hai tay lóng ngóng, chẳng dám chạm. Tôi nhìn vào bên trong. Vợ nằm mệt lả, tóc dính lên trán, mặt trắng nhợt. Vậy mà thấy tôi, bà vẫn cười.

"Con trai đấy."

Tôi gật. Không biết nói gì. Tôi nhìn bà rồi nhìn đứa bé. Trong bụng có một cảm giác rất lạ, vừa sợ, vừa mừng, tự nhủ mình phải lo được cho gia đình này. Tôi nghĩ tới ông cụ, tới câu đừng để con gái ông khổ.

Rồi nghĩ tới thầy, tới cây roi dựng trong góc, tới căn nhà tôi từng lớn lên. Tôi nhìn thằng bé đỏ hỏn

và tự nhủ nhà này sẽ khác. Con mình sẽ khác. Mình sẽ khác.

Lúc ra khỏi nhà hộ sinh, trời vừa sáng. Cái xe đạp dựng ngoài sân, bánh còn bám bùn từ đêm trước. Tôi đặt tay lên cái yên. Cái xe ấy đã chở tôi sang làng bên hồi tôi chưa biết nói yêu một người. Chở bà ấy đi chợ. Chở hai vợ chồng qua những năm đầu chưa có gì. Đêm qua nó lại đưa cả vợ lẫn đứa con chưa chào đời lên một con dốc.

Tôi đứng đó, trong túi chẳng có bao nhiêu, bên cạnh là vợ và đứa con vừa ra đời. Tôi chỉ có hai bàn tay với cái xe đạp cũ. Và dạo ấy, tôi vẫn tin chừng ấy là đủ.